

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-ST
Ngày: 27-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Luông

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 06 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở chính: Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Đỗ Mai H – Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân – Chi nhánh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018).

Địa chỉ: Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt; bà N và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đ) do bà Trương Đỗ Mai H đại diện trình bày:

Ngày 10/8/2012, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An thỏa thuận liên kết ba bên số 04/2012 với Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Long An để triển khai cho vay trả góp dành cho hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ xã. Theo đó, các hội viên đáp ứng đủ điều kiện trong thỏa thuận liên kết được lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ và Ủy ban nhân dân xã L xác nhận sẽ được Ngân hàng Đ xem xét duyệt hạn mức vay từng đợt theo quy định của Ngân hàng Đ.

Ngày 15/7/2013, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An nhận được 29 hồ sơ đề nghị vay tiêu dùng trả góp đợt 3 của 29 hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ xã L.

Ngày 16/9/2013, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An giải ngân vay tiền dùng trả góp đợt 3 cho 22 hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ xã L theo hợp đồng số 0084825901T13003.

Bà Lê Thị N trước đây là hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ xã L nên được Ngân hàng Đ duyệt hồ sơ với hạn mức tín dụng là 5.000.000 đồng vào ngày 16/9/2013 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/5/2013. Ngày 16/9/2013, Ngân hàng Đ giải ngân khoản vay này vào tài khoản thẻ bà Lê Thị N, STK 0107960569, số tiền vay giải ngân 5.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm. Thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 16/9/2013 đến ngày 16/8/2014); hình thức thanh toán: trả góp hàng tháng lãi trên dư nợ ban đầu, cụ thể trong thời hạn 10 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 510.000 đồng, tháng thứ 11 thanh toán 450.000 đồng. Vay không có tài sản đảm bảo.

Thực hiện hợp đồng, từ tháng 10/2013 đến tháng 07/2014, bà N thanh toán cho Ngân hàng Đ-Chi nhánh Long An số tiền gốc và lãi là 3.650.000 đồng sau đó không tiếp tục thanh toán số nợ còn lại. Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An đã ra thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N không thực hiện. Nay Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán tiền vay gốc là 1.816.667 đồng và lãi tính đến ngày 27/8/2018 là 1.471.872 đồng (trong đó lãi trong hạn 974.711 đồng, lãi quá hạn 497.161 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 3.288.539 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N và ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N thanh toán số tiền vay là 3.288.539 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà N có vay Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An số tiền 5.000.000 đồng, sau khi vay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng Đ được số tiền 3.650.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc và lãi là 3.288.539 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N trả nợ nên không xem xét nghĩa vụ trả nợ của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Lê Thị N, cư ngụ xã L, thành phố T. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bà Lê Thị N và chồng là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà N và ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng Đ yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền còn nợ trong hợp đồng vay tài sản, thấy rằng: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định ngày 15/5/2013, bà Lê Thị N có vay của Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, trả góp theo định kỳ hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 10/2013 đến tháng 7/2014, bà N thanh toán cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An số tiền 3.650.000 đồng. Sau đó, bà N không thanh toán tiếp cho Ngân hàng, đã vi phạm cam kết trong hợp đồng. Ngân hàng Đ – Chi nhánh Long An nhiều lần gửi văn bản nhắc nhở nhưng đến nay bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N thể hiện việc Ngân hàng khởi kiện nhưng bà N không có ý kiến, không tham gia tố tụng, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả số tiền trên cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà N trả số nợ vay trên là có căn cứ. Do đó, buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền vay gốc và lãi là 3.288.539 đồng theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/5/2013, ông Nguyễn Văn T (chồng bà N) có ký tên bảo lãnh cho bà N vay số tiền 5.000.000 đồng của Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đ không khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vay nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ trả nợ của ông T.

Ngoài ra, trong Hợp đồng liên kết số 04/2012 ngày 10/8/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Long An với Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T có thỏa thuận Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và Ủy ban nhân dân xã L có ký xác nhận đề xuất với Ngân hàng cho hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ trong xã vay, hỗ trợ nhắc nhở, tạo điều kiện cho Ngân hàng Đ thu hồi nợ đối với hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ xã trong đó có bà N. Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và Ủy ban nhân dân xã L không có trách nhiệm gì đối với số tiền vay nêu trên nên Hội đồng xét xử không đưa Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và Ủy ban nhân dân xã L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, Ngân hàng TMCP Đ không yêu cầu UBND xã L, Hội Liên hiệp phụ nữ xã L liên đới trả số nợ vay nêu trên nên không xem xét đề cập trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Lê Thị N.

Buộc bà Lê Thị N trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay nợ gốc là 1.816.667 (Một triệu tám trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 27/8/2018 là 1.471.872 (Một triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn, tám trăm bảy mươi hai) đồng, tổng cộng gốc và lãi là 3.288.539 đồng (Ba triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày 28/8/2018, bà Lê Thị N còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ ngày 15/5/2013 cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001768 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng